

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI BẰNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

PHAN THỊ THU LÊ* - HOÀNG HẢI YẾN**

Bài viết phân tích các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trên phương diện bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái; qua đó, các tác giả đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để bảo vệ tốt hơn nữa các đối tượng này.

Từ khóa: Pháp luật hình sự, bảo vệ, phụ nữ và trẻ em gái.

Ngày nhận bài: 28/3/2020; Biên tập xong: 05/5/2020; Duyệt đăng: 09/6/2020.

The article analyzes the provisions of Vietnam's criminal law in terms of ensuring the legal rights and interests of women and girls. Thereby, the authors propose some recommendations to complete and improve the effectiveness of the application of criminal law provisions to better protect these subjects.

Keywords: Criminal law, protection, women and girls.

1. Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam thể hiện sự bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái

Trong cuốn Bách khoa toàn thư thế giới về phụ nữ: Những vấn đề và tri thức toàn cầu về phụ nữ¹ được xuất bản năm 2000, tập thể nhóm tác giả Charlotte Bunch và Samantha Frost trong phần viết "Giới thiệu về các quyền con người của phụ nữ" đã chỉ ra: "*Quyền con người của phụ nữ là một thuật ngữ để chỉ các quyền của phụ nữ với tư cách là một con người và được xem xét thông qua lăng kính giới. Theo đó, quyền con người của phụ nữ được xem là tất cả các quyền con người mà nhân loại tiến bộ thừa nhận và có thêm những quyền mang đặc thù giới nữ*"². Mặc

dù pháp luật hình sự Việt Nam không có quy định riêng biệt để bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái mà chỉ ghi nhận chung dưới danh nghĩa quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhưng cũng đã có một số quy định đặc thù thể hiện sự chuyên biệt trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những đối tượng này.

Tại Phần chung của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nổi bật lên một số quy định như:

Điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS quy định "phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai" là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS). Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

¹ Charlotte Bunch and Samantha Frost (2000), *Inter International Encyclopedia of Women: Global Women's Issues and Knowledge*, "Women's human rights: An introduction", Routledge, 2000, p.15

² Xem Trần Thị Hồng Lê, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật hình sự ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016

* Tiến sĩ, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

** Thạc sĩ, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

cao hướng dẫn áp dụng tình tiết này đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào việc người phạm tội có nhận biết được nạn nhân có thai hay không. Bên cạnh đó, điểm 1 khoản 1 Điều 51 BLHS lại quy định “người phạm tội là phụ nữ có thai” là một tình tiết giảm nhẹ TNHS. Dưới góc độ xác định TNHS, đây là hai quy định thể hiện chính sách hình sự đặc biệt đối với các vụ án có người phạm tội và bị hại là phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có thai.

Đối với việc áp dụng và thi hành hình phạt, BLHS cũng có những quy định có tính khoan hồng đối với người phạm tội, người bị kết án là phụ nữ có thai là đang nuôi con nhỏ. Điều 40 BLHS quy định không áp dụng và không thi hành hình phạt tử hình đối với phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Trong trường hợp không thi hành hình phạt tử hình đối với những đối tượng này, hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân. Điều 67 BLHS quy định về hoãn chấp hành hình phạt tù cho phép người bị xử phạt tù là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Tương tự, Điều 68 BLHS quy định nếu trường hợp này xảy ra khi người phạm tội đang chấp hành hình phạt tù thì sẽ được tạm đình chỉ việc chấp hành cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Như vậy, có thể thấy đây là những quy định thể hiện tính nhân đạo cao cả, thể hiện sự đánh giá đúng vai trò và tầm quan trọng đối với thiên chức làm mẹ của phụ nữ.

Tại Phần các tội phạm của BLHS, các quy định về tội danh và khung hình phạt

cũng có những nội dung liên quan đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái như:

Điều 124 BLHS quy định tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với dấu hiệu đặc biệt của chủ thể là phụ nữ vừa mới sinh con trong vòng 7 ngày tuổi. Do đó, tội danh và khung hình phạt đối với hành vi này nhẹ hơn rất nhiều so với tội giết người. Bản chất của hành vi giết con mới đẻ là hành vi giết người với tình tiết tăng nặng định khung là “giết người dưới 16 tuổi”. Nếu áp dụng quy định về tội giết người ở Điều 123 với tình tiết tăng nặng định khung là giết người dưới 16 tuổi thì người phạm tội có thể phải chịu khung hình phạt cao nhất là tử hình (loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng). Tuy nhiên, Điều 124 BLHS lại quy định mức hình phạt cao nhất chỉ đến 02 năm tù (loại tội phạm ít nghiêm trọng) đối với người phụ nữ có hành vi giết đứa con mình vừa sinh ra trong vòng 7 ngày tuổi. Sở dĩ có sự khác biệt về tội danh và khung hình phạt như vậy là bởi người phụ nữ mới sinh nò thường có những bất ổn về tâm lý, hành vi dễ lệch lạc, cộng thêm áp lực do “ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt” nên có thể thực hiện hành vi giết con mình trong trạng thái tinh thần kém minh mẫn. Các hoàn cảnh khách quan đặc biệt hoặc ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu đối với phụ nữ trong những trường hợp này có thể là: khiếp sợ trước dư luận chê bai về việc mang thai và đẻ con ngoài giá thú hoặc trước sự đối xử khắc nghiệt của nhà chồng do đẻ nhiều con gái...; đứa trẻ sinh ra có dị dạng³...

³ Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986),

Việc quy định riêng về tội danh này đối với phụ nữ chính là sự thể hiện sâu sắc của chính sách nhân đạo, khoan hồng và nguyên tắc phân hóa TNHS của pháp luật hình sự Việt Nam.

Bên cạnh đó, BLHS cũng quy định rất nhiều điều luật để bảo vệ quyền tự do và an toàn về tình dục của phụ nữ và trẻ em gái bao gồm: Tội hiếp dâm (Điều 141), Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), Tội cưỡng dâm (Điều 143), Tội cưỡng dâm người từ 13 đến dưới 16 tuổi (Điều 144), Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145). Mặc dù các điều luật trên không quy định trực tiếp nạn nhân là phụ nữ hoặc trẻ em gái nhưng theo cách hiểu truyền thống về hành vi giao cấu⁴, nạn nhân của hành vi giao cấu chỉ có thể là phụ nữ và trẻ em gái. Do đó, các quy định này vẫn hướng tới việc bảo vệ quyền tự do, an toàn về tình dục của phụ nữ và trẻ em gái mặc dù không mặc định nạn nhân phải là phụ nữ. Ngoài

Nghị quyết 04/HĐTP ngày 19/11 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

⁴ Hành vi giao cấu hiện vẫn được hiểu theo hướng dẫn tại Bản tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao số 329/HS2 ngày 11/5/1967 là “sự cọ sát trực tiếp dương vật vào bộ phận sinh dục của người phụ nữ (bộ phận từ môi lớn trở vào) với ý thức ẩn vào trong không kể sự xâm nhập của dương vật là sâu hay cạn, không kể có xuất tinh hay không”.

Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC cũng giải thích: “Giao cấu quy định tại khoản 1 Điều 141, khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 144 và khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là hành vi xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, với bất kỳ mức độ xâm nhập nào”.

những hành vi trực tiếp xâm hại về tình dục, những hành vi khác dẫn đến tổn hại quyền tự do và an toàn tình dục của phụ nữ và trẻ em gái cũng được BLHS quy định là tội phạm và trừng phạt nghiêm khắc như: Tội chứa mại dâm (Điều 327), Tội môi giới mại dâm (Điều 328), Tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329). Tuy các hành vi này có thể không trực tiếp tước đoạt quyền tự do, an toàn về tình dục của phụ nữ và trẻ em gái nhưng đã thể hiện việc coi cơ thể con người nói chung và phụ nữ, trẻ em gái nói riêng như hàng hóa, đã chà đạp nghiêm trọng nhân phẩm và mang tính bóc lột họ⁵.

BLHS năm 2015 cũng lần đầu tiên tội phạm hóa hành vi tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Việc tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại chính là một hình thức kinh doanh cơ thể phụ nữ, do đó việc quy định hình phạt nghiêm khắc đối với tội phạm này cũng là quy định thể hiện rõ nét quan điểm của pháp luật hình sự Việt Nam đối với những hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

Ngoài ra, Điều 316 BLHS cũng quy định về tội phá thai trái phép nếu gây tổn hại tính mạng, sức khỏe, sức khỏe sinh sản và khả năng làm mẹ của người phụ nữ thì người phạm tội cũng có thể phải chịu mức hình phạt lên đến 15 năm tù. Pháp luật Việt Nam không ngăn cấm việc phá thai. Tuy nhiên, vì hành vi này làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, khả năng sinh sản, thậm chí tính mạng người mang thai nên hoạt động này phải được cấp phép theo

⁵ Xem Trần Thị Hồng Lê, *Tlđd*

quy định và tiêu chuẩn chặt chẽ của Bộ Y tế. Bác sĩ, cán bộ y tế thực hiện việc phá thai cũng phải tuân thủ đủ tiêu chuẩn và các quy trình chuyên môn theo quy định của Nhà nước và thực hiện tại những cơ sở y tế được cấp phép. Do đó, quy định này cũng nhằm bảo vệ tính mạng và sức khỏe đối với người phụ nữ.

Một số tội phạm khác được quy định trong BLHS cũng gián tiếp thể hiện việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khác của phụ nữ và trẻ em gái như:

BLHS quy định tình tiết “phạm tội đối với phụ nữ có thai” hoặc tình tiết “phạm tội đối với phụ nữ mà biết là có thai” hoặc tình tiết “đối với người đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi” là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt ở rất nhiều tội phạm: điểm c khoản 1 Điều 123. Tội giết người; điểm c khoản 1 Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác; điểm a khoản 2 Điều 140. Tội hành hạ người khác; điểm d khoản 2 Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; điểm b và c khoản 2 Điều 162. Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật... Sở dĩ nhà làm luật quy định như vậy là bởi những tội phạm trên khi thực hiện với phụ nữ đang có thai hoặc đang nuôi con nhỏ vừa thể hiện tính chất, mức độ đặc biệt nghiêm trọng hơn so với những nạn nhân bình thường, vừa thể hiện tính chất tàn bạo, ác độc, dã man của hành vi phạm tội bởi người phụ nữ đang có thai là giai đoạn họ dễ bị tổn thương và rất cần sự quan tâm của xã hội.

Điều 165 BLHS quy định hành vi xâm phạm quyền bình đẳng giới với hành vi

“vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo...” với hình phạt cao nhất là 02 năm tù. Mặc dù điều luật không quy định trực tiếp hành vi xâm phạm bình đẳng giới đối với phụ nữ và trẻ em gái nhưng trên thực tế, những hành vi này thường có xu hướng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những đối tượng này nhiều hơn so với nam giới. Do đó, đây cũng được coi là quy định thể hiện thái độ của Nhà nước đối với việc bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái.

Một số điều luật khác trong BLHS cũng ghi nhận một số hành vi xâm hại tính mạng, sức khỏe, tự do, an ninh cá nhân có nạn nhân chủ yếu là phụ nữ hoặc trẻ em gái là những người dễ bị tổn thương trong xã hội như: Tội mua bán người (Điều 150), Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình (Điều 185), Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ (Điều 146), Tội tổ chức tảo hôn, tảo hôn (Điều 148)...

Từ những phân tích trên, có thể thấy pháp luật hình sự Việt Nam đã khẳng định những quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái là khách thể được luật hình sự bảo vệ và đã có những quy định đặc thù để xử lý những hành vi xâm hại đến những quyền và lợi ích hợp pháp đó; đồng thời cũng có chính sách xử lý khoan hồng đối với những trường hợp phụ nữ mang thai hoặc nuôi con nhỏ phạm tội.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em

gái trong pháp luật hình sự Việt Nam

Mặc dù pháp luật hình sự Việt Nam đã có những quy định khá toàn diện, liên quan đến các quy định bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái, tuy nhiên, theo chúng tôi, vẫn còn một số quy định cần tiếp tục được hoàn thiện hơn để tạo hành lang pháp lý vững chắc trong phòng chống loại tội phạm nguy hiểm này. Đó là:

Thứ nhất, BLHS nên ghi nhận thêm tình tiết “*làm nạn nhân sảy thai*” là tình tiết tăng nặng TNHS đối với những tội phạm có đối tượng bị xâm hại tại các khung hình phạt tăng nặng là phụ nữ có thai nêu trên. Lý do bổ sung tình tiết này là vì các hành vi trực tiếp hay gián tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tự do tình dục... của phụ nữ có thai luôn chứa đựng nguy cơ gây sảy thai, gây ra thiệt hại về thể chất và tinh thần nghiêm trọng cho người phụ nữ và gia đình của họ. Hơn nữa, theo khuyến cáo y tế, việc sảy thai cũng có thể dẫn đến mất khả năng sinh sản.

Thứ hai, BLHS nên ghi nhận thêm tình tiết “*đối với phụ nữ có thai*” là tình tiết tăng nặng định khung của tội mua bán người theo quy định tại Điều 150 BLHS. Theo quy định của BLHS hiện hành, trường hợp mua bán người đối với đối tượng là phụ nữ có thai thì áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, trên thực tế, diễn biến của hành vi mua bán người đối với phụ nữ có thai diễn ra khá phức tạp. Nhiều đối tượng phạm tội mua bán phụ nữ có thai bao gồm cả mục đích bóc lột người mẹ và tiếp tục mua bán, chiếm đoạt bào thai trong bụng hoặc

đưa trẻ sau khi được sinh ra. Do đó, việc ghi nhận thêm tình tiết tăng nặng định khung “*đối với phụ nữ có thai*” trong tội mua bán người là hoàn toàn có cơ sở và cần thiết để bảo vệ tốt hơn nữa quyền và lợi ích hợp pháp của bà mẹ và trẻ em.

Thứ ba, pháp luật hình sự cần có văn bản hướng dẫn áp dụng cụ thể, rõ ràng hơn về hành vi khách quan của tội phá thai trái phép theo quy định tại Điều 316. Điều luật hiện chỉ đang quy định khá đơn giản: “*Người nào thực hiện việc phá thai trái phép cho người khác...*”. Quy định như trên có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất rằng hành vi phá thai trái phép chỉ là hành vi được thực hiện bởi người không có đủ điều kiện hoặc ở cơ sở y tế không có thẩm quyền phá thai, còn trường hợp phá thai không đảm bảo quy trình, kỹ thuật chuyên môn gây thiệt hại tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của thai phụ cũng không phạm tội này. Như vậy, để làm rõ hành vi khách quan của tội này, cần có văn bản hướng dẫn theo hướng hành vi phá thai trái phép là hành vi thỏa mãn của hai trường hợp nêu trên.

Tóm lại, việc quy định về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các hành vi xâm hại đến phụ nữ và trẻ em gái trong pháp luật hình sự là một trong những cách thức hiệu quả để bảo vệ những đối tượng này trong xã hội. Với những đề xuất nêu trên, nhóm tác giả hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và các quy định liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái nói riêng./.